TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BB** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2023
V/v *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Th

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích L

2. Bà Nguyễn Thị Phương D

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Hoàng Bảo V - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Khánh D-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện BB xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thiên Th, sinh năm 1995

Bị đơn: Anh Phạm Lê V, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Thôn Hoà B, xã SL, huyện BB, tỉnh BTh

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thiên Th và anh Phạm Lê V có tìm hiểu và tự nguyện yêu nhau có tổ chức cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn ngày 25/3/2016 tại UBND xã SL, huyện BB, tỉnh BTh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc khi sinh 02 người con chung nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế do anh V sử dụng ma

túy, không lo làm ăn.Từ năm 2020, anh Phạm Lê V sử dụng ma túy và nghiện đến năm 2021 bị bắt về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phải đi chấp hành án tù. Sau khi anh V chấp hành án về thì vợ chồng không hoà thuận nhau, anh V tự ái, trở về bên gia đình mẹ anh V ở đến nay. Chị Th tự nuôi con và cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, chị Th không còn tin tưởng chồng sẽ lo làm cùng vợ nuôi con nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thiên Th và anh Phạm Lê V có 02 người con chung là Phạm Nguyễn Thiên A, sinh 23/9/2016 và Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 10/01/2019, các con đang sống cùng chị Th tại thôn B, xã SL, huyện BB. Chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi 02 người con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ngày 31/5/2023, bị đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Anh V cho rằng giữa vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ nên anh V tự ái về bên nhà mẹ anh ở, sau đó vợ yêu cầu ly hôn anh V không đồng ý.

Về con chung: Anh Phạm Lê V thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thiên Th; vợ chồng có hai người con chung là Phạm Nguyễn Thiên A, sinh 23/9/2016 và Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 10/01/2019. Các con đang ở với chị Th, anh V đồng ý giao 02 con chung cho chị Th tiếp tục nuỗi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Th không yêu cầu nên anh V không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Lê V xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Quá trình giải quyết, anh Phạm Lê V nhiều lần không đến giải quyết nên Toà án không thể hoà giải được.

- *Tại phiên tòa*: Chị Nguyễn Thị Thiên Th và ông Phạm Lê V đều có đơn xin xét xử vắng mặt theo nội dung khởi kiện và ý kiến đã trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB phát biểu ý kiến đối với vụ án:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên Th được ly hôn anh Phạm Lê V;

- Về con chung: giao con chung Phạm Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/9/2016 và Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 10/01/2019 cho chị Nguyễn Thị Thiên Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thanh và anh Văn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào tài liệu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn ông Phạm Lê V có hộ khẩu tại xã SL, huyện BB thuộc trường hợp tranh chấp ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện BB thụ lý là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, ông Phạm Lê V vắng mặt tại phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thiên Th và anh Phạm Lê V được xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn 25/3/2016 tại UBND xã SL nên hôn nhân giữa chị Th và anh V là hôn nhân hợp pháp.Vì vậy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình và chăm lo phát triển kinh tế gia đình cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh Phạm Lê V không cùng chia sẻ công việc gia đình cùng vợ lo kinh tế gia đình mà có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến vi phạm pháp luật và làm

ảnh hưởng kinh tế của gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi anh V đi tù. Vì vậy, khi anh V chấp hành án trở về chị Th và anh V không còn tình cảm. Khi chị Th yêu cầu ly hôn anh Phạm Lê V không đồng ý và cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến Tòa án hòa giải đoàn tụ.Như vậy, anh V không nhìn nhận ra mâu thuẫn lớn của vợ chồng để sửa đổi đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, tự ái về gia đình mẹ anh sống riêng đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét thấy có căn cứ cho chị Nguyễn Thị Thiên Th được ly hôn anh Phạm Lê V được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thiên Th và anh Phạm Lê V có 02 con chung là Phạm Nguyễn Thiên A, sinh 23/9/2016 và Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 10/01/2019. Hiện nay các con đang sống chung với chị Th, chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị Th phù hợp nguyện vọng của các con và ý kiến thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của anh Phạm Lê V nên Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung giữa chị Th và anh V phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Đối với cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thiên Th không yêu cầu anh Phạm Lê V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thiên Th và anh Phạm Lê V xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thiên Th chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 19; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điệu 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thiên Th.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thiên Th được ly hôn anh Phạm Lê V.

2. Về con chung:

+ Về nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/9/2016 và Phạm Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 10/01/2019 cho chị Nguyễn Thị Thiên Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Lê V được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thiên Th không yêu cầu nên không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thiên Th và anh Phạm Lê V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thiên Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002733 ngày 08/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB. Chị Nguyễn Thị Thiên Th đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BTh;
- VKSND huyện BB
- Chi cục THADS huyện BB;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Thị Thanh Th